

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

American Auditing

MỤC LỤC

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
6 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
7 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư.

Công ty có trụ sở đặt tại lầu 2-3 Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện trong kỳ

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2011, Công ty nhận được giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 74/UBCK-GPHĐKD cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 với nội dung chuyển địa điểm trụ sở chính sang lầu 2-3 số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 20 tháng 8 năm 2011 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty thông qua việc thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Ông: Nguyễn Khắc Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/04/2009
Ông: Nguyễn Bằng Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/06/2010
Ông: Đặng Xuân Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/06/2010
Ông: Võ Đắc Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2009
Ông: Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2008
Ông: Trương Thành Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2008
Ông: Phạm Trần Duy Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/8/2011
Ông: Nguyễn Nam Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2008

Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

Ông: Nguyễn Thanh Minh	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 20/8/2011
Bà: Lê Thị Phương Uyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2009
Bà: Quan Diễm Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/06/2010

Cam kết của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của Công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

Lợi ích của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc

Không có thành viên Ban Tổng Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Tổng Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG, các công ty có liên quan đến Ban Tổng Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông: Nguyễn Khắc Sơn

Chủ tịch

Số: 20120223006

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 từ trang 4 đến trang 18.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc
Chứng Chi KTV số 0357/KTV
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2012

PHẠM ĐỨC NGUYỄN

Chứng Chi KTV số 1186/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		55.471.109.696	83.211.308.143
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V0.1	18.609.540.387	6.155.710.240
1. Tiền	111		18.609.540.387	6.155.710.240
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V0.3	16.918.252.547	30.690.039.536
1. Đầu tư ngắn hạn	121		28.072.014.612	39.136.914.248
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(11.153.762.065)	(8.446.874.712)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V0.4	19.568.097.541	45.129.707.305
1. Phải thu khách hàng	131		96.000.000	233.646.730
2. Trả trước cho người bán	132		79.750	19.379.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		15.255.373	44.237.204
5. Các khoản phải thu khác	138		19.666.442.495	44.832.444.121
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V0.5	(209.680.077)	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		375.219.221	1.235.851.062
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		113.244.812	526.949.653
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		261.974.409	708.901.409
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		23.678.676.836	28.631.009.738
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.292.898.211	27.368.848.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V0.6	9.011.667.119	13.058.640.175
- Nguyên giá	222		14.119.732.903	20.075.612.145
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.108.065.784)	(7.016.971.970)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V0.7	13.281.231.092	14.310.208.781
- Nguyên giá	228		18.032.286.673	17.025.856.156
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.751.055.581)	(2.715.647.375)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.385.778.625	1.262.160.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V0.8	1.039.598.570	1.062.975.051
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V0.9	346.180.055	199.185.731
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		79.149.786.532	111.842.317.881

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	3.258.850.018	20.401.447.972
I. Nợ ngắn hạn	310	3.258.850.018	20.401.447.972
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	10.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	56.264.800	111.022.131
3. Người mua trả tiền trước	313	5.000.000	5.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.10	28.559.986	123.516.258
5. Phải trả người lao động	315	187.696.600	391.849.748
6. Chi phí phải trả	316	296.217.550	151.468.302
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.11	784.072.291	1.173.559.680
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320 V.12	1.842.924.000	7.911.580.510
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	20.905.857	246.116.653
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	37.208.934	287.334.690
II. Nợ dài hạn	330	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	75.890.936.514	91.440.869.909
Vốn chủ sở hữu	410	75.890.936.514	91.440.869.909
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(59.109.063.486)	(43.559.130.091)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	79.149.786.532	111.842.317.881



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		120.788.240.000	153.083.420.000
Trong đó:			-	-
6.1- Chứng khoán giao dịch	007		116.324.220.000	139.642.650.000
6.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	008		6.173.150.000	5.824.420.000
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009		110.151.070.000	133.818.230.000
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012		23.900.000	8.690.720.000
6.2.2- CK tạm ngừng GD khách hàng trong nước	014		23.900.000	8.690.720.000
6.3- Chứng khoán cầm cố	017		14.000.000	-
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019		14.000.000	-
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027		3.800.600.000	4.201.300.000
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029		3.800.600.000	4.201.300.000
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037		625.520.000	548.750.000
6.7.1. CK chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		625.520.000	548.750.000
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		990.500.000	945.820.000
Trong đó:			-	-
7.1- Chứng khoán giao dịch	051		984.500.000	944.320.000
7.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	053		984.500.000	944.320.000
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		-	-
7.3- Chứng khoán cầm cố	061		-	-
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.5- Chứng khoán chờ thanh toán	071		6.000.000	1.500.000
7.5.2. CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		6.000.000	1.500.000

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Thùy

Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu	01		10.097.833.642	12.984.518.021
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.106.291.837	3.451.856.750
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.002.403.191	4.199.444.928
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.147.543.016	4.499.740.655
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9	VI.01	1.841.595.598	833.475.688
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		10.097.833.642	12.984.518.021
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.02	7.472.945.044	6.925.048.559
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		2.624.888.598	6.059.469.462
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.03	16.823.327.766	17.994.372.248
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(14.198.439.168)	(11.934.902.786)
8. Thu nhập khác	31		313.970.484	290.909.212
9. Chi phí khác	32		1.665.464.711	557.243.508
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.351.494.227)	(266.334.296)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(15.549.933.395)	(12.201.237.082)
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(15.549.933.395)	(12.201.237.082)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Thùy

Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(15.549.933.395)	(12.201.237.082)
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.416.916.558	3.631.563.275
- Các khoản dự phòng	03		2.916.567.430	1.598.088.151
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.316.777.059)	(1.449.130.562)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.533.226.466)	(8.420.716.218)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		9.080.285.295	(1.759.882.006)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho, đầu tư ngắn hạn	10		2.064.899.636	19.181.805.035
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.607.409.650)	803.648.919
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		437.081.322	(745.467.319)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		641.640.537.477	287.592.355.373
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(625.562.655.835)	(315.710.290.922)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.519.511.779	(19.058.547.138)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.006.430.517)	(5.470.052.130)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		308.145.457	290.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(180.457.652.428)	(23.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		189.457.652.428	13.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.632.603.428	1.699.071.823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.934.318.368	(13.480.071.216)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	10.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.000.000.000)	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12.453.830.147	(22.538.618.354)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.155.710.240	28.694.328.594
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		18.609.540.387	6.155.710.240

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Bích Thùy

Nguyễn Thị Bích Thùy
 Kế Toán Trưởng

Nguyễn Ngọc Trường Chinh
 Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
 Tầng 2-3, Số 13-15-17 Trường Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

Mẫu số B 05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2011

DVT: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000					135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần								-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu								-	-
4. Cổ phiếu quỹ								-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển								-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính								-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu								-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(30.762.829.087)	(43.559.130.091)	(12.796.301.004)		(15.549.933.395)		(43.559.130.091)	(59.109.063.486)
Tổng cộng		104.237.170.913	91.440.869.909	(12.796.301.004)	-	(15.549.933.395)	-	91.440.869.909	75.890.936.514

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

valued



Nguyễn Thị Bích Thùy
 Kế Toán Trưởng

Nguyễn Ngọc Trường Chính
 Tổng Giám Đốc

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động Kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 06 năm 2009 và số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở đặt tại lầu 2-3 Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư.

3 Tổng số nhân viên và người lao động

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 34 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 54 người)

II NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam "VND" phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán.



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính năm nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính các năm trước, ngoại trừ việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Do thông tư số 162/2010/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, đồng thời, theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót", việc thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật hoặc chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán không yêu cầu việc điều chỉnh hồi tố nên số liệu đầu kỳ trên các báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm điều chỉnh nêu trên.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thì mức trích dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ trên một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ trên hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ trên ba (03) năm	100%

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

a TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	5
Máy móc thiết bị	3-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

b TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm: phần mềm giao dịch, kế toán, website, các loại bản quyền phần mềm... Trích khấu hao theo đường thẳng, thời gian từ 03 - 15 năm.

5 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 12 năm 2011.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

6 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

7 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản về vật dụng văn phòng, trang trí, cải tạo nội thất văn phòng, hệ thống mạng. Các khoản chi phí này được phân bổ dần từ hai (02) tháng đến sáu mươi (60) tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

11 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
- Tiền mặt tại quỹ	90.584.975	82.181.589
- Tiền gửi ngân hàng	17.630.850.412	3.151.391.651
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	782.742.291	1.067.804.839
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	888.105.000	2.922.137.000
Tổng cộng	18.609.540.387	6.155.710.240

2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	657.080	14.976.631.000
- Trái phiếu	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	37.092.166	620.556.121.000
- Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	37.749.246	635.532.752.000

3 Tình hình đầu tư tài chính

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I. Chứng khoán thương mại	-	-
II. Chứng khoán đầu tư		
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Cổ phiếu		
Số lượng	717.315	682.442
Giá trị theo sổ kế toán	27.072.014.612	29.136.914.248
Tăng /(giảm) so với giá thị trường	(11.138.327.412)	(5.887.885.348)
Tổng giá trị theo giá thị trường	15.933.687.200	23.249.028.900
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		
III. Đầu tư góp vốn		
IV. Đầu tư tài chính khác	1.000.000.000	10.000.000.000

4 Các khoản phải thu

Chi tiết tại Phụ lục 01

5 Tình hình trích lập các khoản phải thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số trích lập trong kỳ	209.680.077	-
Số dư cuối kỳ	209.680.077	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số Đầu Năm	4.893.815.739	14.196.816.306	984.980.100	-	-	20.075.612.145
- Thanh lý, nhượng bán	(4.802.136.719)	(1.153.742.523)	-	-	-	(5.955.879.242)
Số Cuối Năm	91.679.020	13.043.073.783	984.980.100	-	-	14.119.732.903
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số Đầu Năm	2.930.152.361	3.621.690.117	465.129.492	-	-	7.016.971.970
- Khấu hao trong năm	898.727.536	1.318.617.466	164.163.350	-	-	2.381.508.352
- Thanh lý, nhượng bán	(3.758.592.648)	(531.821.890)	-	-	-	(4.290.414.538)
Số Cuối Năm	70.287.249	4.408.485.693	629.292.842	-	-	5.108.065.784
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số Đầu Năm	1.963.663.378	10.575.126.189	519.850.608	-	-	13.058.640.175
Số Cuối Năm	21.391.771	8.634.588.090	355.687.258	-	-	9.011.667.119

7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	-	-	-	17.025.856.156	17.025.856.156
- Mua trong năm	-	-	-	1.006.430.517	1.006.430.517
Số cuối năm	-	-	-	18.032.286.673	18.032.286.673
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	-	-	-	2.715.647.375	2.715.647.375
- Khấu hao trong năm	-	-	-	2.035.408.206	2.035.408.206
Số cuối năm	-	-	-	4.751.055.581	4.751.055.581
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	-	-	-	14.310.208.781	14.310.208.781
Số cuối năm	-	-	-	13.281.231.092	13.281.231.092

8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kì	Số cuối năm
Vật dụng văn phòng	343.281.848	6.710.000	146.307.425	203.684.423
Chi phí văn phòng làm việc	719.693.203	341.003.887	224.782.943	835.914.147
Tổng cộng	1.062.975.051	347.713.887	371.090.368	1.039.598.570

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

9 Tiên nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	222.295.102	75.300.778
Tiền lãi phân bổ trong năm	3.884.953	3.884.953
Tổng cộng	346.180.055	199.185.731

10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế GTGT phải nộp	11.369.824	26.543.960
Thuế thu nhập cá nhân	17.190.162	96.972.298
Tổng cộng	28.559.986	123.516.258

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Bảo hiểm xã hội		34.453.300
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	782.742.291	1.067.804.839
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.330.000	71.301.541
Tổng cộng	784.072.291	1.173.559.680

12 Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán
Là khoản phải trả về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 Doanh thu khác	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.160.639.198	813.660.357
Thu nhập khác	680.956.400	19.815.331
Tổng cộng	1.841.595.598	833.475.688

2 Chi phí hoạt động kinh doanh	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	257.086.223	529.399.077
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.331.481.119	4.707.737.916
Chi phí hoạt động tư vấn	-	1.120.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	99.573.683	78.246.215
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	2.706.887.353	1.598.088.151
Chi phí khác	77.916.666	10.457.200
Tổng cộng	7.472.945.044	6.925.048.559

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>NĂM NAY</u>	<u>NĂM TRƯỚC</u>
Chi phí nhân viên	5.292.976.096	6.305.344.815
Chi phí đồ dùng văn phòng	151.222.073	195.905.958
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.416.916.558	3.631.563.275
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.100.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	209.680.077	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.488.864.411	4.353.123.286
Chi phí bằng tiền khác	2.260.668.551	3.505.334.914
Tổng cộng	<u>16.823.327.766</u>	<u>17.994.372.248</u>

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo

- Không phát sinh

2 Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp năm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>NĂM NAY</u>	<u>NĂM TRƯỚC</u>
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	782.742.291	1.067.804.839
Các khoản khác		

VI Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành, và

2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu

Lỗ (15.549.933.395)

IX NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Mỹ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Thị Bích Thùy

Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Lầu 2-3, Số 13-15-17 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***PHỤ LỤC 01: CÁC KHOẢN PHẢI THU .**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
1. Phải thu khách hàng	233.646.730	-	-	1.061.960.000	1.199.606.730	96.000.000	-	-	-	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	44.237.204	-	-	2.855.111.159	2.884.092.990	15.255.373	-	-	-	
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	44.237.204	-	-	2.855.111.159	2.884.092.990	15.255.373	-	-	-	
3. Phải thu khác	44.832.444.121	-	-	730.670.032.907	755.836.034.533	19.666.442.495	698.933.590	698.933.590	(209.680.077)	
Tổng cộng	45.110.328.055	-	-	734.587.104.066	759.919.734.253	19.777.697.868	698.933.590	698.933.590	(209.680.077)	

*Handwritten signature*Nguyễn Thị Bích Thùy
Kế Toán TrưởngNguyễn Ngọc Trường Chinh
Tổng Giám Đốc

ideas Solutions Results

American Auditing is the leading professional services firm that delivers the value clients care about.

We bring our clients the ideas they need to make the most informed decisions. We explore alternatives and identify the best solutions. We help our clients achieve results that make them more competitive, improve their profitability, and increase stakeholder value.

OFFICES IN VIETNAM

- ✚ The Southern Area
VCCI Tower , 171 Vo Thi Sau, Dist.3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- ✚ The Northern Area
A12, Block X1, Lien Co Quan Zone, Tu Liem Dist, Ha Noi Capital, Viet Nam
- ✚ The Western Area
81 Chau Van Liem St, Ninh Kieu Dist, Can Tho City, Viet Nam
- ✚ The Centre Area
Floor 5th, Indochina Riverside Tower, 74 Bach Dang , Da Nang City, Viet Nam

HOT LINE

- Office : (84-8) 39 321 284
- Fax : (84-8) 39 321 286
- Mobile : 0903 699 894

FUTHER INFORMATION

- Email : info@aa.com.vn
- Website: www.aa.com.vn

American Auditing (AA) was established at Vietnam in year 2001 and approved to audit securities -issuing organizations, securities-listing organizations, securities-trading organizations, valuation of businesses, the general State-owned company and foreign group company according to Decision No.1938/QD-BTC of Ministry of Finance, Vietnam, Decision No. 1078/QD-UBCK of the state securities commission, Vietnam and Decision No. 16227/VACPA of Vietnam Association of Certified Public Accountants